

QUY ĐỊNH

Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

(Kèm theo Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến việc quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, nước ngoài có hoạt động liên quan đến quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với khu vực không có tuyến giao thông thuận tiện cho xe cơ giới thu gom, vận chuyển (phải vận chuyển bằng xe thô sơ đến điểm tập kết): 503.917 đồng/tấn (chưa bao gồm VAT). Bao gồm:

a) Giá thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các tuyến đường nhỏ (thu gom bằng xe thô sơ) để vận chuyển đến điểm tập kết: 289.631 đồng/tấn (chưa bao gồm VAT);

b) Giá thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm xử lý: 155.412 đồng/tấn (chưa bao gồm VAT);

c) Giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng biện pháp chôn lấp: 58.874 đồng/tấn (chưa bao gồm VAT).

2. Giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với khu vực có tuyến giao thông thuận tiện cho xe cơ giới thu gom, vận chuyển: 378.897 đồng/tấn (chưa bao gồm VAT). Bao gồm:

a) Giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực có tuyến giao thông thuận tiện cho xe cơ giới thu gom để vận chuyển đến điểm xử lý: 320.023 đồng/tấn (chưa bao gồm VAT);

b) Giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng biện pháp chôn lấp: 58.874 đồng/tấn (chưa bao gồm VAT).

Điều 3. Hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân, các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh khối lượng chất thải rắn sinh hoạt dưới 300kg/ngày

a) Hộ gia đình, cá nhân chi trả trực tiếp (thông qua biên lai hoặc hóa đơn thu tiền định kỳ hàng tháng) cho đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt được cơ quan nhà nước lựa chọn theo quy định của pháp luật.

b) Các cơ quan, tổ chức, cơ sở, hộ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lựa chọn hình thức chi trả theo quy định tại điểm a khoản này hoặc theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố lựa chọn đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật; hợp đồng, thanh toán hợp đồng đối với phần kinh phí từ ngân sách nhà nước địa phương bù đắp cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ phát sinh khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trên 300kg/ngày

a) Cơ quan, tổ chức; cơ sở, hộ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chi trả trực tiếp cho đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua hợp đồng, thanh toán hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo khối lượng phát sinh.

b) Cơ quan, tổ chức; cơ sở, hộ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được quyền lựa chọn đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh hoặc ngoài địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Mức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Mức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân, các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh khối lượng chất thải rắn sinh hoạt dưới 300kg/ngày thực hiện theo Phụ lục kèm theo Quyết định này

Ngân sách Nhà nước địa phương bù đắp tỷ lệ phần trăm trong tổng giá thu gom, vận chuyển, xử lý theo nguyên tắc giảm dần hàng năm. Kể từ năm 2030

không bù đắp cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với khu vực không có tuyến giao thông thuận tiện cho xe cơ giới thu gom, vận chuyển (phải vận chuyển bằng xe thô sơ đến điểm tập kết); kể từ năm 2025 không bù đắp cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với khu vực có tuyến giao thông thuận tiện cho xe cơ giới thu gom, vận chuyển.

2. Mức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ phát sinh khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trên 300kg/ngày

a) Cơ quan, tổ chức; cơ sở, hộ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chi trả mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo khối lượng phát sinh và trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý; chi trả hoàn toàn cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo khối lượng phát sinh.

b) Cơ quan, tổ chức; cơ sở, hộ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lựa chọn đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, áp dụng mức giá tại Điều 2 Quy định này; trường hợp, lựa chọn đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ngoài địa bàn tỉnh, áp dụng mức giá theo thỏa thuận, hợp đồng giữa cơ quan, tổ chức, cơ sở, hộ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 5. Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân

1. Thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc Tổ vệ sinh môi trường địa phương theo đúng thời gian do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quy định.

2. Chi trả phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

3. Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt đúng nơi quy định; không được vứt, thải, đổ, bỏ chất thải rắn sinh hoạt ra môi trường không đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, tổ dân phố, tổ nhân dân tự quản, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động.

4. Dọn dẹp, giữ gìn vệ sinh môi trường trong khu đất thuộc quyền sử dụng của mình, vỉa hè phía trước và xung quanh khu vực.

5. Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; các vi phạm về bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn sinh hoạt đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 6. Trách nhiệm cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, chung cư cao

tầng, tòa nhà văn phòng phải bố trí thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với từng loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại; tổ chức thu gom chất thải từ hộ gia đình, cá nhân và chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

Điều 7. Trách nhiệm của chủ cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Chủ cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Chủ cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; lập, trình thẩm định, phê duyệt phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Lập phương án giá dịch vụ cụ thể công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt gửi Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố làm cơ sở để hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý đối với lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của đối tượng được bù đắp từ ngân sách nhà nước của địa phương.

4. Đảm bảo thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng hợp đồng đã ký kết, cam kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Khi thu tiền phải sử dụng biên lai hoặc hóa đơn thu tiền theo đúng quy định và thu đúng mức giá đã niêm yết hoặc thông báo. Nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

6. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý rác chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương đúng tần suất, không để tồn đọng rác lâu ngày nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức người dân về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ.

c) Chủ trì phối hợp với sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định điều chỉnh, bổ sung giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khi có một trong những thay đổi như sau:

- Khi Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Khi Nhà nước có thay đổi về chính sách pháp luật có liên quan đến giá được ban hành cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Khi nhà máy xử lý rác thải của tỉnh đã hoàn thành, đủ điều kiện hoạt động và được cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Khi đủ điều kiện thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo khối lượng hoặc thể tích chất thải thông qua giá bán bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt hoặc thể tích thiết bị chứa đựng chất thải rắn sinh hoạt.

- Khi có ít nhất 50% hộ gia đình trên địa bàn tỉnh thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

2. Sở Xây dựng

Chủ trì phối hợp với sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành điều chỉnh hoặc thay đổi quy định Bộ đơn giá Dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: bố trí kinh phí cho việc đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thu gom phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, theo khả năng cân đối vốn của tỉnh.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc chủ đầu tư triển khai dự án nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt của tỉnh đảm bảo đúng tiến độ theo chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Tài chính

a) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì phối hợp với sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định, phê duyệt phương án giá dịch vụ của chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

5. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và Công an huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm về môi trường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

b) Tăng cường kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo đúng tải trọng theo quy định của pháp luật.

6. Cục Thuế tỉnh

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trong việc sử dụng chứng từ thu; đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể các cấp trong tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan chức năng, các địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; giám sát các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt, thông báo cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Các sở, ban, ngành có liên quan

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị trực thuộc thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

1. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Tổ chức triển khai, hướng dẫn và tuyên truyền, vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo thuận tiện và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Chỉ đạo xây dựng tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của cơ quan, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phù hợp tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực; chỉ đạo sắp xếp thời gian hoạt động của các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo công tác vệ sinh môi trường.

5. Ký hợp đồng dịch vụ với chủ cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chủ cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (đối tượng được bù đắp từ ngân sách nhà nước của địa phương) trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu thành phần, khối lượng và hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo hợp đồng đã ký.

6. Thực hiện lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

7. Lập kế hoạch, xây dựng dự toán hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (đối tượng được bù đắp từ ngân sách nhà nước của địa phương) trên địa bàn, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

8. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Tổ chức, tuyên truyền, vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; tuyên truyền, vận động hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thực hiện việc phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; thực hiện niêm yết công khai hợp đồng cung ứng dịch vụ đã ký kết của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố với cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phổ biến rộng rãi về thời gian và phương thức chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

4. Chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở hoặc chỉ đạo Tổ vệ sinh môi trường ở địa phương xác định thời gian, địa điểm, tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân đến điểm lưu giữ, điểm tập kết, trung chuyển đảm bảo phù hợp với hiện trạng địa phương; rà soát, bố trí mặt bằng điểm lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt tại điểm thuận tiện giao thông và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường để Tổ vệ sinh môi trường của địa phương giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

5. Lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với khu vực, tuyến đường ngoài phạm vi do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý (nếu có).

6. Tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy định này. Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện.

2. Các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố kịp thời báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.